

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50/2025/DS-ST
Ngày: 23-6-2025
V/v: “Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Mận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thông Phi;

2. Bà Huỳnh Thị Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 309/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2024, về việc: “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2025/QĐXXST-DS, ngày 13 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2025 và Thông báo mở lại phiên tòa số 22/2025/TB-TA ngày 09 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị C, sinh năm 1959; địa chỉ: khu phố T, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Mai Văn N (tên gọi khác: T), sinh năm 1984; địa chỉ: số nhà D đường Đ, khu phố T, thị trấn L, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai của đương sự, nguyên đơn bà Phạm Thị C trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Do có mối quan hệ quen biết là người sinh sống cùng khu phố, bà Phạm Thị C cho ông Mai Văn N (có tên thường gọi là T) vay tiền 02 lần như sau:

Lần 1: Ngày 22/10/2019 (DL) ông N vay của bà C số tiền 10.000.000 đồng; hứa hẹn ba tháng sau khi vay sẽ trả đủ tiền gốc và hàng tháng sẽ trả cho bà C 450.000 đồng tiền lãi.

Lần 2: Ngày 27/10/2019 (DL) ông N vay thêm của bà C số tiền 10.000.000 đồng. Khi vay, ông N hứa hẹn đến ngày 22/5/2021 sẽ trả tiền gốc và lãi đầy đủ cho bà C.

Sau khi vay tiền, ông N không thực hiện đúng như cam kết là trả gốc khi đến hạn và trả lãi hàng tháng. Bà C đã nhiều lần yêu cầu ông N trả nợ nhưng không trả đầy đủ cho bà C.

Trong thời gian cho vay, ông N có trả cho bà C được một số lần với số tiền cụ thể như sau: tháng 01/2020 trả được 1.000.000 đồng; tháng 5/2021 trả 2.000.000 đồng; tháng 11/2021 trả được 800.000 đồng; tháng 7/2022 trả 1.500.000 đồng. Khi bà C khởi kiện đối với ông N tại Tòa án, ông N có trả cho bà C thêm 4.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền ông N đã trả cho bà C là 9.300.000 đồng.

Hiện nay, bà C chỉ yêu cầu cá nhân ông Mai Văn N phải trả cho bà C số tiền gốc là 20.000.000 đồng mà không yêu cầu cá nhân nào khác có trách nhiệm liên đới trả nợ.

Đối với số tiền 9.300.000 đồng mà ông N trả nhiều lần cho bà C; bà C yêu cầu được trừ vào số tiền lãi từ thời điểm vay cho đến nay đối với số tiền gốc đã vay và không yêu cầu tính lãi gì thêm.

Số tiền mà bà C cho ông N vay là tiền cá nhân của bà C nên yêu cầu ông N trả cho bà C mà không liên quan đến cá nhân khác.

Bà C nộp cho Tòa án 01 giấy gốc giấy mượn tiền có nội dung đề ngày 22/10/2019 (DL) và ngày 27/10/2019.

Bị đơn ông Mai Văn N: Quá trình giải quyết vụ án, xác minh ông Mai Văn N có hộ khẩu thường trú và thường xuyên sinh sống tại khu phố T, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Do ông N thường xuyên đi làm từ sáng đến chiều nên vào buổi tối ông N mới có ở nhà. Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt văn bản theo quy định của tố tụng nhưng ông N không chấp hành lên Tòa án làm việc để trình bày ý kiến, tham gia hòa giải cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị C. Do đó, ông Mai Văn N không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

Ông Mai Văn N không nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Những tình tiết mà các đương sự thống nhất với nhau: Không có.

Những tình tiết mà các đương sự chưa thống nhất với nhau:

Nguyên đơn bà Phạm Thị C yêu cầu ông Mai Văn N trả số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ các quy định về pháp luật tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử;

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đủ về quyền và nghĩa vụ đương sự theo Bộ luật dân sự tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: : Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và các Điều 146, 147, 157, 165, 203 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị C: Buộc ông Mai Văn N có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị C 20.000.000 đồng.

Về án phí: ông Mai Văn N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền nợ vay được thể hiện bằng bản gốc giấy mượn tiền có dấu lặn tay của bị đơn. Ngoài yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các đương sự không còn yêu cầu nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự và khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn có nơi cư trú tại khu phố T, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Phạm Thị C:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, bà C yêu cầu ông Mai Văn N phải trả số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng; tổng số tiền 9.300.000 đồng mà ông N đã trả nhiều lần, bà C yêu cầu được trừ vào số tiền lãi. Ông Mai Văn N không đến Tòa án làm việc để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà C. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cũng như Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án để giải quyết theo thủ tục chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào giấy mượn tiền đề ngày 22/10/2019 và ngày 27/10/2019 có dấu lặn tay của ông Mai Văn N mà nguyên đơn cung cấp. Và trong quá trình tố tụng, mặc dù ông N được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập làm việc đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị C nhưng ông N không đến Tòa án làm việc; điều này thể hiện ông N biết việc bà C khởi kiện yêu cầu trả tiền nợ vay, ông N không có ý kiến phản hồi chứng tỏ yêu cầu khởi kiện của bà C là có căn cứ. Các khoản vay vào ngày 22/10/2019 và ngày 27/10/2019 đều là khoản vay có thời hạn, có lãi suất. Do đó, khi trong thời gian vay, ông N không thực hiện trả đầy đủ tiền lãi cũng như tiền nợ gốc, trả tiền không đúng thời hạn là đã vi phạm thỏa thuận của các bên. Do đó, bà C yêu cầu ông N trả số tiền 20.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 22/10/2019 và ngày 27/10/2019 là có căn cứ được chấp nhận theo quy định tại các Điều 463, 466 và 470 Bộ luật dân sự.

Đối với tiền lãi: Trong thời gian vay, ông N có trả nhiều lần cho bà C tổng số tiền 9.300.000 đồng. Bà C yêu cầu được trừ vào số tiền lãi từ thời điểm vay cho đến nay và không yêu cầu tính thêm tiền lãi đối với ông Mai Văn N.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo giấy mượn tiền ngày 22/10/2019 và ngày 27/10/2019 đều là khoản vay có thời hạn, có lãi suất. Ông N phải có nghĩa vụ trả tiền lãi trong hạn và quá hạn theo thỏa thuận thời hạn vay theo mức lãi suất phù hợp với quy định của pháp luật từ thời điểm vay cho đến khi trả tiền nợ xong. Tuy nhiên, bà C chỉ yêu cầu trừ số tiền 9.300.000 đồng mà ông N đã trả nhiều lần trong thời gian qua vào tiền lãi, và không yêu cầu ông N phải trả lãi thêm cho hai khoản vay trên. Yêu cầu này của bà C là tự nguyện và số tiền ông N đã trả không vượt mức số tiền lãi mà ông N cần phải trả cho các khoản vay của bà C trong thời gian qua theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét ghi nhận sự tự nguyện của bà C và không xem xét tính tiền lãi đối với các khoản vay.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị C được chấp nhận nên bị đơn ông Mai Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại các Điều 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 146, 147, Điều 203, khoản 1 Điều 228; Điều 235, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị C về việc buộc ông Mai Văn N phải trả tiền nợ vay:

Buộc ông Mai Văn N phải có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị C số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải thanh toán cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Buộc ông Mai Văn N phải nộp 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, sung vào Ngân sách nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án có hiệu lực được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Tánh Linh;
- Chi cục THADS huyện Tánh Linh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Mận